

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H – TP HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST**

Ngày: 26-4-2019.

V/v: Tranh chấp L hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Nguyễn Lâm Bình**.

- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông **Trần Thành Khấn**.

Ông **Nguyễn Văn Sơn**.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà **Trần Thị Thu Hương** – Cán bộ TAND huyện H.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa:* Bà **Trần**

Thị Nhâm - Kiểm sát viên.

Ngày 26/4/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H – TP Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 60/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về: Tranh chấp L hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2019/QĐXX-ST ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Vương Thị L**, sinh năm 1988. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Nơi cư trú: Xóm 13, thôn D, xã H, huyện H, TP Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT: Xóm 5, thôn Y, xã H, huyện H, TP Hà Nội.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1981.

Nơi cư trú: Xóm 5, thôn Y, xã H, huyện H, TP Hà Nội. Có mặt.

3. Những người làm chứng:

- Ông **Vương Văn B**, sinh năm 1952. Vắng mặt.

- Bà **Phạm Thị H**, sinh năm 1957. Vắng mặt.

Đều trú tại: Xóm 13, thôn D, xã H, huyện H, TP Hà Nội.

- Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1952. Vắng mặt.

- Bà **Bùi Thị V**, sinh năm 1952 (Mẹ đẻ anh B). Có mặt.

Đều trú tại: Xóm 5, thôn Y, xã H, huyện H, TP Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Vương Thị L và anh Nguyễn Văn B tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy Bn nhân dân xã H ngày 30/6/2009. Sau khi cưới chị L về sống cùng gia đình anh B, anh B công tác tại Ban quản lý khu di tích thắng cảnh H, còn chị L ở nhà làm nội trợ và kinh doanh. Cuộc sống chung vợ chồng không

hạnh phúc, nguyên nhân do chị và anh B có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Từ đó chị và anh B thường xuyên xảy ra va chạm, nhiều lần anh B hành chị. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả, đầu năm 2018 vợ chồng anh chị sống L thân, chị L và anh B không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay chị L thấy tình cảm vợ chồng không còn nên làm đơn xin L hôn, chị đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho chị được L hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh chị có Ba con chung, cháu Nguyễn Trọng K sinh ngày 05/6/2010, cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 31/01/2012 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 28/01/2016. Từ khi anh chị sống L thân các cháu ở với anh B, vợ chồng L hôn, chị L đồng ý giao cháu K, cháu L và cháu B cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại chị phải đi làm ăn xa, không có nhà, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị và anh B đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn B trình bày và xác định: Anh kết hôn với chị L là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H. Anh cho rằng cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị L tự ý giấu anh và gia đình chơi phờng, vay mượn làm ăn cá nhân, khi anh và gia đình biết việc hỏi chị L được chị L cho biết đây là việc làm cá nhân không L quan đến anh. Từ đó vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Nay chị L xin L hôn, anh không đồng ý L hôn vì anh vẫn còn tình cảm với chị L. Anh đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ cùng nuôi dạy con.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng anh L hôn, anh xin nuôi cháu K, cháu L và cháu B. Anh không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh B xác định vợ chồng anh đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Anh B có mặt và giữ nguyên ý kiến quan điểm của mình. Anh, chị không xuất trình chứng cứ, tài liệu gì khác và vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H có ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đầy đủ các quy định về tố tụng dân sự như tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự, tạo điều kiện cho họ được trình bày quan điểm, tiến hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo đúng quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật. Cụ thể:

- Chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị Vương Thị L và giao 03 con chung cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho đến khi có yêu cầu mới.

- Tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vương Thị L đã làm đơn khởi kiện theo mẫu và nộp tạm ứng án phí đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị L vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Việc vắng mặt của nguyên đơn trên cơ sở tự nguyện và đúng ý chí của họ. Căn cứ khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn theo thủ tục chung là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị L và anh B trên cơ sở tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ, chồng không hạnh phúc nguyên nhân do chị L và anh B có nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Chị L xin L hôn; anh B cho rằng vợ chồng anh vẫn còn tình cảm với chị L nên anh không đồng ý L hôn. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã kiên trì hòa giải để chị L rút đơn để vợ chồng đoàn tụ nhưng chị L giữ nguyên yêu cầu, kiên quyết xin L hôn vì tình cảm vợ chồng không còn, nếu tiếp tục chung sống sẽ không có hạnh phúc và ảnh hưởng đến các con. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã làm việc với bố mẹ đẻ của chị L là ông Vương Văn B, bà Phạm Thị H và bố mẹ đẻ của anh B, ông Nguyễn Văn B, bà Bùi Thị V. Bố mẹ đẻ của anh chị đều thừa nhận vợ chồng anh chị có mâu thuẫn, việc chị L bỏ nhà đi sau khi vợ chồng mâu thuẫn là có thật. Gia đình hai bên đã hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tại Biên bản xác minh ngày 09/4/2019 UBND xã H, huyện H, TP Hà Nội cho biết:... *”Cuộc sống chung vợ chồng anh B, chị L hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh B, chị L có quá nhiều điểm bất đồng trong lối sống, quan điểm sống. Vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, cãi cọ. Nhiều lần anh B, chị L mâu thuẫn, chị L bỏ nhà đi sau đó được gia đình động viên chị về ở với anh B một thời gian ngắn sau đó vợ chồng lại mâu thuẫn, tình trạng này diễn ra nhiều lần...”*. Trên cơ sở chứng cứ, tài liệu các đương sự cung cấp kết hợp với tài liệu xác minh tại địa phương đủ cơ sở kết

luyện: Hôn nhân giữa chị Vương Thị L và anh Nguyễn Văn B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị L có đơn xin L hôn với anh B là hoàn toàn tự nguyện và có căn cứ phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] **Về vấn đề con chung:** Anh, chị có B con chung là các cháu Nguyễn Trọng K sinh ngày 05/6/2010, cháu Nguyễn Thị Khánh L sinh ngày 31/01/2012 và cháu Nguyễn Gia B sinh ngày 28/01/2016. Từ khi anh chị sống L thân các cháu ở với anh B, vợ chồng L hôn, chị L đồng ý giao B cháu có tên nêu trên cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng vì hiện tại chị phải đi làm ăn xa, không có nhà, không có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc các con; trường hợp vợ chồng L hôn, anh B xin nuôi cả B con chung, không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện chị L không có nhà ở, phải đi làm ăn xa không có điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Bản thân anh B có nhà ở, công việc và thu nhập ổn định, anh B tha thiết xin được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con; cháu K, cháu L cũng có nguyện vọng xin được ở với bố sau khi bố mẹ L hôn vì không muốn xáo trộn trong việc học tập, sinh hoạt. Xét đây là ý chí tự nguyện của các đương sự, việc giao con cho anh B nuôi dưỡng đảm B điều kiện về mọi mặt của trẻ nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu K, cháu L và cháu B cho anh B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung cho đến khi có yêu cầu mới.

[4] **Về tài sản chung:** Anh B, chị L đều xác định đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa xem xét, giải quyết nên không không xem xét, giải quyết trong bản án này.

[5] **Về án phí:** Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xác định chị L phải nộp 300.000đ án phí L hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Chương III Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Áp dụng Điều 56; 81; 82; 83 Luật hôn nhân gia đình;

- Xử:

Chấp nhận yêu cầu xin L hôn của chị **Vương Thị L**. Chị **Vương Thị L** được L hôn anh **Nguyễn Văn B**.

Về con chung: Giao các cháu **Nguyễn Trọng K** sinh ngày 05/6/2010, cháu **Nguyễn Thị Khánh L** sinh ngày 31/01/2012 và cháu **Nguyễn Gia B** sinh ngày 28/01/2016 cho anh Nguyễn Văn B tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu trưởng thành, tự lập. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị L đến khi có yêu cầu mới. Chị L có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai bên đều thừa nhận đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Toà giải quyết.

Về án phí: Chị Vương Thị L phải nộp 300.000 (B trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 2173 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, TP Hà Nội.

Anh B có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; chị L có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND TP Hà Nội;
- VKS ND huyện H;
- Chi cục THADS huyện H;
- UBND xã H;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Lâm Bình